TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66** /2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 6 - 2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Nguyễn Hải Hưng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Lụa, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2018/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2018/QĐST - HNGĐ ngày 30/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị L , sinh năm 1976
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đ, sinh năm 1972
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị L và anh Đ về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ không đồng ý ly hôn.

Con chung: Li, sinh năm 1994 và D sinh ngày 19/5/2000. Hai con chung đã thành niên, không bệnh tật.

Tài sản chung: Chị L, anh Đ không yêu cầu Tòa án phân chia.

Nợ chung: Chị L, anh Đ xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên hòa giải, xét xử sơ thẩm nhưng anh Đ có ý kiến bằng văn bản xin vắng mặt, đồng ý Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh; theo quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] *Hôn nhân*: Chị L và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, tuy có đủ các điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Mặc dù anh chị chung sống với nhau như vợ chồng một cách tự nguyện và thời gian dài, có con chung, có tài sản chung nhưng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa anh Đ và chị L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Con chung*: Li, sinh năm 1994 và D sinh ngày 19/5/2000. Hai con chung đã thành niên, không bệnh tật nên không cần có người chăm sóc nuôi dưỡng.

[4] *Tài sản chung*: Chị L, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Nợ chung*: Chị L, anh Đ xác định không.

[6] *Án phí*: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị L phải chịu án phí dân sự về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 4 điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: - *Hôn nhân:* Quan hệ giữa chị L và anh Đ không được công nhận quan hệ vợ chồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân chị L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011903 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- THA DS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Xuân Miễn